

Bàn về các tiêu chí đánh giá chất lượng giáo dục đại học

Nguyễn Phương Nga*

Viện Đảm bảo chất lượng giáo dục, ĐHQGHN, 144 Xuân Thủy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 28 tháng 3 năm 2011

Tóm tắt. Chất lượng nói chung và chất lượng giáo dục đại học nói riêng là hai khái niệm khá trừu tượng và mang tính đa chiều. Những quan niệm về chất lượng lại thay đổi theo thời gian và theo sự phát triển kinh tế xã hội của từng quốc gia, chính vì vậy sẽ tồn tại trong xã hội những cách tiếp cận khác nhau trong việc đánh giá chất lượng giáo dục đại học. Sự khác nhau như vậy sẽ dẫn đến những tranh luận hoặc sự không đồng thuận về các tiêu chí đánh giá chất lượng giáo dục đại học. Trong các quốc gia phát triển, chất lượng giáo dục của một trường đại học được công nhận bởi việc trường đã được kiểm định chất lượng và thứ hạng của trường trong các Bảng xếp hạng thế giới. Tại Việt Nam, 40 trường đại học đã được kiểm định chất lượng, nhưng kết quả chưa được công nhận. Bài viết này tổng quát lại các quan niệm về chất lượng và phân tích các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục đại học của một số nước và của Việt Nam.

1. Các quan niệm về chất lượng

Chất lượng là một khái niệm có nghĩa rất mở, và mang tính chủ quan, hay nói một cách khác, chất lượng là một khái niệm khá trừu tượng và mang tính đa chiều. Chính vì vậy có khá nhiều định nghĩa khác nhau về “chất lượng” theo những cách tiếp cận khác nhau, nhằm phản ánh yêu cầu của từng lĩnh vực, hoặc của các bên liên quan. Đồng thời những định nghĩa và quan niệm về chất lượng lại thay đổi theo thời gian và theo sự phát triển kinh tế xã hội của mỗi nước. Xin tóm tắt một số định nghĩa về chất lượng trong các công trình nghiên cứu khoa học [1] đã được công bố khi bàn về chất lượng giáo dục như sau:

- *Chất lượng là sự “xuất sắc” (excellent).* Định nghĩa này phản ánh quan điểm truyền

thông của học thuật, thường được sử dụng trong đánh giá đầu ra;

- *Chất lượng là “không có lỗi” (zero errors).* Quan điểm này được sử dụng trong công nghiệp vì các sản phẩm được mô tả chi tiết và được chuẩn hoá để tạo ra các sản phẩm đồng nhất. Quan điểm này không thể áp dụng cho giáo dục đại học (GDĐH) vì các sản phẩm của GDĐH là sinh viên tốt nghiệp không thể đồng nhất như nhau;

- *Chất lượng là “sự phù hợp với mục tiêu đề ra” (fitness for purposes).* Quan điểm này đòi hỏi các sản phẩm hoặc dịch vụ đáp ứng được nhu cầu của khách hàng. ‘Khách hàng’ của GDĐH bao gồm người học, những nhà tài trợ, giới học thuật, chính phủ và xã hội; những đối tượng này có thể có những quan điểm rất khác nhau về “mục tiêu” và “sự phù hợp”. Định nghĩa này được sử dụng phổ biến trong kiểm định chất lượng (KDCL) giáo dục;

* ĐT: 84-4-37547625
E-mail: nganp@vnu.edu.vn

- *Chất lượng là sự đáp ứng các chuẩn mực đề ra*: được sử dụng rộng rãi trong công nghiệp và cả trong giáo dục;

- *Chất lượng là “ngưỡng yêu cầu”* (threshold). Định nghĩa “ngưỡng yêu cầu” đối với chất lượng là đặt ra mức chuẩn với các tiêu chí nhất định. Một chương trình đào tạo, một khoa hoặc một trường đại học đạt các yêu cầu của mức chuẩn của các tiêu chí được coi là đạt chất lượng;

- *Chất lượng là “giá trị quy thành tiền”* (value for money). Định nghĩa này liên quan trực tiếp đến tính tự chịu trách nhiệm;

- *Chất lượng là “sự nâng cao” chất lượng hoặc “cải tiến”* (enhancement or improvement). Quan điểm này mang tính học thuật & nhấn mạnh việc không ngừng cải tiến. Nhưng nếu theo quan điểm này, sẽ rất khó “đo lường đánh giá” được sự cải tiến và minh chứng của việc “cải tiến” khó có thể chỉ rõ để bên ngoài công nhận.

Như đã nêu trên, với những định nghĩa và quan niệm khác nhau về chất lượng nói chung và chất lượng GDDH nói riêng, xã hội sẽ đặt ra những yêu cầu khác nhau đối với GDDH, hoặc sẽ tồn tại trong xã hội những cách tiếp cận khác nhau trong việc đánh giá chất lượng GDDH. Sự khác nhau như vậy sẽ dẫn đến những tranh luận hoặc sự không đồng thuận về các tiêu chí đánh giá chất lượng GDDH. Bài viết này theo quan điểm “chất lượng là “sự phù hợp với mục tiêu đề ra”; và đánh giá chất lượng trường đại học (ĐH), hoặc chương trình đào tạo (ĐT), được hiểu là việc trực tiếp triển khai đánh giá và đưa ra kết luận về chất lượng của một trường ĐH hoặc một chương trình ĐT. Kiểm định chất lượng là một dạng của “đánh giá chất lượng” đi kèm với quyết định trường ĐH đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn KĐCL. Tiêu chuẩn KĐCL đặt ra những yêu cầu tối thiểu (hay có thể gọi là mức chuẩn mực tối thiểu) mà một trường ĐH cần đạt được để đảm bảo đầu ra là sinh viên tốt nghiệp,

các kết quả nghiên cứu khoa học và hoạt động dịch vụ xã hội đáp ứng yêu cầu tối thiểu của xã hội và của các nhà tuyển dụng.

2. Các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục đại học

Trong thời đại kinh tế tri thức đi đôi với sự toàn cầu hóa trong nhiều lĩnh vực, trong đó có hiện tượng toàn cầu hóa GDDH, chất lượng GDDH hơn bao giờ hết thu hút được sự quan tâm đặc biệt của các chính phủ các quốc gia, của các nhà lãnh đạo quản lý GDDH và công luận xã hội nói chung. Cũng chính vì thế, các hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục nói chung và KĐCL nói riêng trong mỗi quốc gia và liên quốc gia trong từng vùng hoặc khu vực và trên toàn cầu đang ngày càng nhận được nhiều những đầu tư và các nguồn tài trợ để phát triển nhằm mục đích gia tăng chất lượng GDDH.

Song song với việc phát triển của các tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng nói riêng và các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDDH nói riêng, là sự bùng nổ của các bảng xếp hạng các trường đại học trong các quốc gia và xếp hạng các trường ĐH trên thế giới. Phần 2 của bài viết này sẽ bàn về các tiêu chuẩn KĐCL các trường ĐH và Bảng xếp hạng của Diễn đàn Kinh tế thế giới.

2.1. Các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDDH trên thế giới

Trong hầu hết các quốc gia trên thế giới đều tồn tại ít nhất một tổ chức KĐCL giáo dục. Cơ chế và quy định về các tiêu chuẩn KĐCL không đồng nhất giữa các quốc gia và ngay trong từng quốc gia (nếu trong quốc gia đó có nhiều tổ chức KĐCL GDDH khác nhau). Xin đơn cử tại Hoa Kỳ, là nơi khởi xướng khái niệm KĐCL và có bề dày kinh nghiệm trên 100 năm về KĐCL,

có 7 tổ chức KĐCL các trường ĐH&CD theo 7 vùng của Hoa Kỳ. Các tiêu chuẩn KĐCL của các Vùng không hoàn toàn giống nhau, nhưng đều tập trung đánh giá chất lượng đầu vào, quá trình và đầu ra. Bên cạnh đó tại Hoa Kỳ, còn có 4 tổ chức KĐCL cho các trường ĐH&CD thuộc các tín ngưỡng khác nhau, hai tổ chức KĐCL các loại hình đào tạo đặc thù (thí dụ: đào tạo từ xa) và 50 tổ chức KĐCL các chương trình đào tạo các chuyên ngành khác nhau. Căn cứ trên những mục tiêu và những yêu cầu nhất định, các tổ chức KĐCL xây dựng những tiêu chí đánh giá để KĐCL và công nhận hoặc không công nhận chất lượng của một trường ĐH hoặc một chương trình ĐT.

NEASC [2] (New England Association for Schools and Colleges) là Hiệp hội các Trường ĐH&CD ở Vùng Đông Bắc Mỹ có 11 tiêu chuẩn KĐCL, được chia thành 177 tiêu chí:

- Tiêu chuẩn 1. Sứ mạng và mục đích (5 tiêu chí)
- Tiêu chuẩn 2. Lập kế hoạch và đánh giá (12 tiêu chí)
- Tiêu chuẩn 3. Tổ chức và quản lý (12 tiêu chí)
- Tiêu chuẩn 4. Chương trình đào tạo (51 tiêu chí)
- Tiêu chuẩn 5. Giảng viên (22 tiêu chí)
- Tiêu chuẩn 6. Sinh viên (bao gồm cả học viên và nghiên cứu sinh) (18 tiêu chí)
- Tiêu chuẩn 7. Thư viện và các nguồn thông tin (12 tiêu chí)
- Tiêu chuẩn 8. Cơ sở vật chất và công nghệ thông tin (6 tiêu chí)
- Tiêu chuẩn 9. Các nguồn tài chính (14 tiêu chí)
- Tiêu chuẩn 10. Công khai (14 tiêu chí)
- Tiêu chuẩn 11. Tính trung thực, trách nhiệm và đạo đức (11 tiêu chí)

Tổ chức Đảm bảo chất lượng của Châu Âu (ENQA) có 15 tiêu chuẩn KĐCL. Mạng lưới đảm bảo chất lượng của các trường hàng đầu Đông Nam Á (AUN-QA) có 11 tiêu chuẩn để KĐCL trường đại học, bao gồm:

1. Sứ mạng
 2. Kế hoạch chính sách
 3. Quản lý
 4. Nguồn nhân lực
 5. Ngân sách
 6. Các hoạt động đào tạo
 7. Nghiên cứu
 8. Phục vụ cộng đồng
 9. Kết quả đạt được
 10. Sự hài lòng của các bên liên quan
 11. ĐBCL và vươn tới chuẩn mực quốc tế
- Và 18 tiêu chuẩn để KĐCL chương trình đào tạo như sau:
1. Mục tiêu và kết quả kỳ vọng
 2. Nội dung chương trình đào tạo
 3. Khung chương trình
 4. Tổ chức chương trình đào tạo
 5. Triết lý sư phạm/chiến lược dạy & học
 6. Kiểm tra đánh giá sinh viên
 7. Chất lượng giảng viên
 8. Chất lượng nhân viên hỗ trợ
 9. Chất lượng sinh viên
 10. Tư vấn và hỗ trợ sinh viên
 11. Trang thiết bị và cơ sở vật chất
 12. Đảm bảo chất lượng
 13. Sinh viên đánh giá môn học
 14. Thiết kế chương trình môn học
 15. Các hoạt động phát triển cán bộ/nhân viên
 16. Phản hồi từ các bên liên quan
 17. Kết quả đầu ra
 18. Sự hài lòng của các bên liên quan

Nếu so sánh các tiêu chuẩn KĐCL của Vùng Đông Bắc Hoa Kỳ với Châu Âu và với Đông Nam Á, có thể thấy số lượng các tiêu chuẩn khác nhau, nhưng tất cả đều tập trung đánh giá chất lượng đầu vào, quá trình đào tạo và chất lượng đầu ra của trường ĐH. Nếu đi sâu vào những yêu cầu trong mỗi tiêu chí, chúng ta sẽ thấy yêu cầu của mỗi quốc gia, mỗi châu lục sẽ có những điểm khác nhau, phản ánh đặc thù văn hoá và sự phát triển của xã hội của nước đó, cũng như những đòi hỏi của thị trường lao động địa phương và quốc tế. Chính vì vậy nếu so sánh về chất lượng của các trường ĐH đạt tiêu chuẩn KĐCL, ta sẽ thấy chất lượng của các trường ĐH trong mỗi quốc gia khác nhau, và chất lượng của các trường ĐH đã KĐCL trong cùng một quốc gia cũng khác nhau. Sở dĩ có sự khác nhau về chất lượng như vậy là vì KĐCL sử dụng các tiêu chí đánh giá chất lượng dựa trên sứ mạng và mục tiêu của từng trường.

2.2. Bảng xếp hạng của Diễn đàn Kinh tế thế giới [3] (WEF)

Bảng xếp hạng “khả năng cạnh tranh toàn cầu” của các quốc gia trên thế giới do Diễn đàn kinh tế thế giới thực hiện, sử dụng 12 tiêu chí (Pillar) để xếp hạng. Đánh giá tổng thể về khả năng cạnh tranh toàn cầu, Việt Nam xếp thứ hạng 75/133 quốc gia [4] với điểm số là 4,03. Trong 12 tiêu chí xếp hạng, có tiêu chí 5 là về giáo dục đại học và đào tạo (Higher Education and Training). Tiêu chí 5 bao gồm ba thành phần (A, B & C) với tổng số là 9 chỉ số. Xếp hạng của Việt Nam về từng chỉ số trong năm 2009-2010 trên tổng số 133 quốc gia được liệt kê dưới đây [5]:

Tiêu chí 5. Giáo dục ĐH và đào tạo (chiếm 17% tổng trọng số của Bảng xếp hạng)
Chỉ số cạnh tranh của Việt Nam năm 2009-2010 về tiêu chí GDĐH và đào tạo

	<i>Thứ hạng/133</i>
5.01. Số lượng nhập học trung học phổ thông (số liệu thô)	100
5.02. Số lượng nhập học đại học	107
5.03. Chất lượng của hệ thống giáo dục	85
5.04. Chất lượng của môn toán học & các môn khoa học	53
5.05. Chất lượng quản lý các trường ĐH	111
5.06. Nổi mạng sử dụng internet trong các trường ĐH	58
5.07. Có các loại hình nghiên cứu chuyên sâu và đào tạo tại chức	89
5.08. Mở rộng phạm vi đào tạo cán bộ và giảng viên	46

Khả năng cạnh tranh của quốc gia phụ thuộc một phần vào các tiêu chí và chỉ số xếp hạng như đã nêu trong tiêu chí về GDĐH và đào tạo trên. Việt Nam bị tụt bậc về “khả năng cạnh tranh” một phần do chất lượng của GDĐH chưa đáp ứng những yêu cầu của thị trường lao động. Vì vậy đánh giá chất lượng và công khai các kết quả đánh giá là những việc cần được thực hiện một cách khách quan. Để nâng cao chất lượng, bài viết xin khuyến nghị cần triển khai xếp hạng các trường ĐH trong nước với các tiêu chí xếp hạng phản ánh được hai yếu tố bao gồm mang bản sắc của GDĐH Việt Nam và giao thoa với các tiêu chí xếp hạng trên thế giới. Bảng xếp hạng sẽ là cơ sở để các trường ĐH có thể biết tương quan so sánh về các tiềm lực và chất lượng của trường mình so với các trường ĐH khác trong Việt Nam; và so với các tiêu chí thế giới có sự khác biệt gì, từ đó các trường ĐH có động lực để nâng thứ hạng của trường lên.

2.3. Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục các trường đại học của Việt Nam

Các tiêu chuẩn KĐCL trường ĐH [6] do Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) ban hành lần đầu tiên vào ngày 02/12/2004 (Quyết định số

38/QĐ-BGD&ĐT) có 10 tiêu chuẩn bao gồm 53 tiêu chí với 2 mức đạt được cho mỗi tiêu chí (Mức 1 thấp nhất và Mức 2 cao nhất). Sau khi đã thí điểm KĐCL 20 trường đại học, Bộ GD&ĐT đã chỉnh sửa lại các tiêu chuẩn KĐCL và đến ngày 01/11/2007, Bộ GD&ĐT ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học [7] (thay thế các tiêu chuẩn KĐCL ban hành năm 2004) bao gồm 10 tiêu chuẩn với 61 tiêu chí (không có các mức 1 và mức 2, mà chỉ là “đạt” hoặc “không đạt”). Các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học bao gồm:

- Tiêu chuẩn 1. Sứ mạng và mục tiêu của trường ĐH (2 tiêu chí)
- Tiêu chuẩn 2. Tổ chức và quản lý (7 tiêu chí)
- Tiêu chuẩn 3: Chương trình giáo dục (6 tiêu chí)
- Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đào tạo (7 tiêu chí)
- Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ quản lý, GV & NV (8 tiêu chí)
- Tiêu chuẩn 6: Người học (9 tiêu chí)
- Tiêu chuẩn 7: NCKH, ứng dụng, phát triển & chuyển giao công nghệ (7 tiêu chí)
- Tiêu chuẩn 8: Hoạt động hợp tác quốc tế (3 tiêu chí)
- Tiêu chuẩn 9: Thư viện, trang thiết bị học tập & cơ sở vật chất khác (9 tiêu chí)
- Tiêu chuẩn 10: Tài chính & quản lý tài chính (3 tiêu chí)

Nhìn tổng thể, các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường ĐH của Việt Nam cũng bao gồm đánh giá đầu vào, quá trình và đánh giá đầu ra, tuy nhiên nếu so sánh cụ thể về các yêu cầu trong các tiêu chí, ta sẽ thấy có nhiều điểm khác nhau, đặc biệt là mức độ của các yêu cầu. Tuy nhiên vấn đề chính cần bàn chưa phải là các mức độ của các yêu cầu mà là quy trình

đánh giá chất lượng và việc sử dụng kết quả đánh giá chất lượng của chúng ta như thế nào?

Chúng ta chưa có một tổ chức KĐCL độc lập để triển khai đánh giá chất lượng các trường ĐH, đội ngũ những người thực hiện công tác đánh giá chưa được đào tạo chuyên sâu về kỹ năng đánh giá, mặc dù trúng thầu để thực hiện việc đánh giá là nhà thầu nước ngoài. Nhưng thực chất, các nhà thầu nước ngoài chỉ tập huấn về kỹ năng đánh giá cho các đánh giá viên, họ không tư vấn hoặc không có những chỉ đạo về kỹ thuật trong quá trình triển khai đánh giá ngoài 40 trường ĐH của Việt Nam.

Thêm vào đó, quá trình công nhận kết quả đánh giá chất lượng bị kéo dài. Đồng thời những trường đạt tiêu chuẩn đánh giá chất lượng thì sẽ khác gì với những trường chưa được đánh giá chất lượng hoặc đánh giá chất lượng nhưng không đạt yêu cầu? Điều này chưa được rõ ràng trong các Quy định liên quan về đánh giá chất lượng hoặc KĐCL.

Trong Quy định về quy trình và chu kỳ KĐCL giáo dục trường ĐH, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp [8] của Bộ GD&ĐT (số 76/2007/QĐ-BGDĐT, ban hành ngày 14/12/2009), đưa ra các yêu cầu và trách nhiệm đối với các trường được công nhận đạt các tiêu chuẩn KĐCL và việc thu hồi Chứng chỉ đạt tiêu chuẩn KĐCL, nếu trường không tiếp tục phấn đấu hoặc có những vi phạm. Quy định không đưa ra những quyền lợi mà trường sẽ được hưởng thụ khi đạt các tiêu chuẩn chất lượng.

Quy định cũng không đưa ra những yêu cầu hoặc những quy định bắt buộc gì đối với các trường ĐH không đạt tiêu chuẩn đánh giá chất lượng. Nếu tiếp cận ở góc độ này, các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng và quy định về kiểm định chất lượng sẽ không tạo ra được tác động để các trường ĐH&CD nâng cao chất lượng. Vì kết quả của đánh giá chất lượng GDĐH, đạt hay không đạt, các trường ĐH vẫn nhận được kinh phí từ ngân sách Nhà nước (đối với các trường

công lập), chi tiêu tuyển sinh không thay đổi, các nhà quản lý của trường có lẽ cũng không được thưởng hoặc bị phạt gì? Vậy đánh giá chất lượng GDĐH có làm thay đổi thực sự chất lượng của các trường ĐH không?

3. Kết luận

Vấn đề đặt ra đối với GDĐH ở Việt Nam trong giai đoạn hiện tại là song hành với việc yêu cầu các trường ĐH nâng cao chất lượng, cần có những thay đổi căn bản về cơ chế quản lý GDĐH. Việc đầu tiên cần làm là bổ sung và điều chỉnh Quy định về chu trình và chu kỳ KĐCL giáo dục trường ĐH, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp như đã phân tích ở phần trên. Các kết quả KĐCL cần được công khai kịp thời.

Bên cạnh việc KĐCL, cần tiến hành xếp hạng các trường ĐH theo những tiêu chí xếp hạng mang những đặc tính như đã bàn ở trên để tạo ra sự cạnh tranh lành mạnh về chất lượng đầu ra của các trường ĐH. Đồng thời, chúng ta đều không thể không thừa nhận việc xếp hạng các trường ĐH đã trở thành trào lưu không cưỡng lại được trên toàn cầu và tuân theo “quy luật phát triển chung”, vì vậy các trường ĐH Việt Nam khó có thể đi ngược lại quy luật phát triển này. Dù chúng ta tự nguyện hay không tự nguyện cung cấp số liệu, các trường ĐH Việt Nam vẫn được xếp hạng trên các Bảng xếp hạng khác nhau trên thế giới, thí dụ như trên Bảng xếp hạng của Webometrics. Mặc dù các bảng xếp hạng đó không phản ánh đúng thực lực về các kết quả giảng dạy và nghiên cứu khoa học cũng như các nguồn lực khác của các trường ĐH Việt Nam, bởi vì các tổ chức xếp hạng trên thế giới chỉ có thể lấy các số liệu đã được công bố bằng tiếng Anh. Vì thế vấn đề đầu tiên các trường đại học Việt Nam cần quan tâm lúc này là các trường ĐH Việt Nam đã công khai các số liệu về các nguồn lực và các

kết quả đầu ra của trường được truyền tải bằng hai ngôn ngữ Việt và Anh không? Tiếp theo là từng trường có chiến lược đầu tư ngắn hạn và dài hạn như thế nào để “hội nhập thực sự với giáo dục ĐH trên thế giới” về “chất” của trường và về “đầu ra” của trường?

Tất cả các bảng xếp hạng không thể phản ánh đầy đủ về chất lượng tổng thể của một trường ĐH mà chỉ là kết quả so sánh giữa các trường ĐH về các nguồn lực và một số kết quả trường ĐH đạt được trong khuôn khổ những tiêu chí của bảng xếp hạng. Việc xếp hạng các trường ĐH nên do một tổ chức nghiên cứu chuyên sâu về đo lường đánh giá thực hiện, như vậy các kết quả xếp hạng sẽ đảm bảo độ tin cậy cao hơn. Thực tế đã chứng minh là kết quả xếp hạng của ĐH Giao Thông Thượng Hải được giới học thuật công nhận có độ tin cậy cao hơn các bảng xếp hạng của các tổ chức khác.

Đồng thời cần triển khai KĐCL tất cả các trường ĐH và công khai các kết quả KĐCL với xã hội. Cách tiếp cận để xếp hạng các trường ĐH khác cách tiếp cận để KĐCL. Xếp hạng chỉ rõ thứ hạng trên dưới của từng trường ĐH; KĐCL khẳng định trường ĐH có đạt các chuẩn mực tối thiểu được quy định trong các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng. Chính vì thế kết quả KĐCL và kết quả của các bảng xếp hạng sẽ khác nhau.

Tài liệu tham khảo

- [1] Campbell, C. & Rozsnyai, C., *Quality Assurance and the Development of Course Programmes*. Papers on Higher Education Regional University Network on Governance and Management of Higher Education in South East Europe Bucharest, UNESCO (2002).
- [2] <http://cihe.neasc.org>
- [3] Klaus Schwab. *The Global Competitiveness Report 2009-2010*, World Economic Forum, Geneva, Switzerland, 2009.

- [4] Klaus Schwab. *The Global Competitiveness Report 2009-2010*, World Economic Forum, Geneva, Switzerland, 2009, tr.17.
- [5] Klaus Schwab. *The Global Competitiveness Report 2009-2010*, World Economic Forum, Geneva, Switzerland, 2009, tr.327.
- [6] Bành Tiên Long, *Quy định tạm thời về kiểm định chất lượng trường đại học*, ban hành kèm theo Quyết định số 38/QĐ-BGD&ĐT ngày 02/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2004.
- [7] Bành Tiên Long, *Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học* ban hành kèm theo Quyết định số 65 /2007/QĐ-BGDĐT ngày 01/11/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2007.
- [8] Bành Tiên Long, *Quy định về quy trình và chu kỳ KDCL giáo dục trường ĐH, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp* ban hành kèm theo Quyết định số 76/2007/QĐ-BGDĐT ngày 14/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2007.

Perspectives on the Criteria to Evaluate Higher Education Quality

Nguyen Phuong Nga

Institute For Education Quality Assurance, VNU, 144 Xuan Thuy, Hanoi, Vietnam

Quality in general and higher education quality, in particular, are the two theoretical concepts which are multi-dimensions. Concepts about quality have been changed depending on the time and on the state of development of individual national social economics, hence there exist in our society a number of approaches towards the evaluation of higher education quality. Consequently, it leads to various debates and disagreements on the criteria to evaluation higher education quality. In developed countries, the quality of a university is confirmed by its accreditation status and its rank in the League Table of World Universities. In Vietnam, 40 universities had been accredited, but the results of the accreditation have not yet been approved. This article reviews concepts of quality and analyzes the criteria to evaluate higher education institutions in a number of countries and Vietnam.